

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/12/2020  
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Trần Thu Hồng.**

2. Ông **Nguyễn Trương Ngon.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: Trần Thị Thanh K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số B, tổ A, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

\*Bị đơn: Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số B, tổ A, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

*(Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Thanh K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huỳnh Thanh T sống chung với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện G, tỉnh T vào ngày 01/3/2008. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, tụ tập bạn bè chơi bời, cờ bạc, nhậu nhẹt, gây nợ không lo đi làm phụ nuôi con, một mình chị phải đi làm để nuôi 02 con, thời gian gần đây anh Tâm có chơi game từ tối đến sáng, chị đã khuyên nhiều lần

nhưng không được, nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tâm.

- Về con chung: có 02 con chung gồm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 23/9/2010 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 22/3/2007.

Do hiện nay cả 02 con chung đang sống chung với anh T nên nay ly hôn chị đồng ý giao cả 02 con chung Nguyễn Nhật T, sinh ngày 23/9/2010 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 22/3/2007 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

\* Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Huỳnh Thanh T trình bày:

Anh T thống nhất lời trình bày của chị Trần Thị Thanh K về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn như chị K trình bày là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh và chị K là do anh anh mê chơi, không chăm lo cho gia đình. Nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn do anh vẫn còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: có 02 con chung gồm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 23/9/2010 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 22/3/2007. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật.

Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh K và anh Nguyễn Huỳnh Thanh T sống chung với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện G, tỉnh T vào ngày 01/3/2008. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, tụ tập bạn bè chơi bời, cờ bạc, nhậu nhẹt, gây nợ không lo đi làm phụ nuôi con, chị K và anh T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị K yêu

cầu ly hôn với anh T là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: có 02 con chung gồm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 23/9/2010 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 22/3/2007. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với anh T, đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị K tự nguyện đồng ý giao cả 02 con chung cho anh T tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời tại bản tự khai cháu T và cháu L cũng bày tỏ nguyện vọng khi chị K và anh T ly hôn thì cháu T và cháu L yêu cầu được sống với anh T. Do đó việc giao cả 02 con chung là T và L cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Cần chấp nhận yêu cầu của anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị K và anh T tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị K và anh T thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh K.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thanh K được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh Thanh T.

- Về con chung: Giao cả 02 con chung Nguyễn Nhật T, sinh ngày 23/9/2010 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 22/3/2007 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cả 02 con chung T và L đủ 18 tuổi. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị K và anh T thống nhất tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.
- Về án phí HNST:

Chị Trần Thị Thanh K phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị K đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0016907 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được căn cứ xem như chị K đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

\* *Nơi nhân:*

- Dương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây ;
- UBND thị trấn Vĩnh Bình;
- Lưu hồ sơ.

**Đặng Thị Thanh Trinh**

